TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ B** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2023/HNGĐ - ST.
Ngày: 26/9/2023.
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ B – TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lường Văn Lương;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Văn Tám;

2. Bà Bạc Thị Kiên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lường Văn Đoản – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên .

Ngày 13/9/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 188/2023/TLST – HNGĐ ngày 06/7/2023 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2023/QĐXX - ST ngày 28/8/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 71/2023/QĐST - HPT ngày 12/9/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị L - Sinh năm 1985."có mặt".

Địa chỉ: Bản M, xã T H, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn: Anh Tòng Văn D - Sinh năm 1975."vắng mặt".

Địa chỉ: Bản M, xã T H, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 04/7/2023 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân huyện Đ B, chị Lò Thị L (nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và anh Dương lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã T H, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên từ ngày 30/6/2006. Trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Dương thường xuyên rượu, bia không lo làm ăn, sau đó chửi bới và đánh đập tôi nhiều lần, hiện nay sức khỏe của tôi đã giảm sút rất nhiều, khả năng lao động giảm sút. Hai vợ chồng đã được hai bên gia đình và ban ngành trong bản khuyên bảo, nhắc nhở nhiều lần nhưng không có kết quả, từ đó gia đình không còn hạnh phúc. Hiện nay không còn tình cảm vợ chồng và không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy tôi làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Dương.

2. Về con chung: Chị Lích khai vợ chồng có 01 con chung là cháu Tòng Văn Cường, sinh ngày 15/3/2008.

Chị Lích có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu anh Dương phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại bản tự khai của cháu Cường là có nguyện vọng được ở cùng với mẹ.

3.Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có.

Đối với bị đơn Tòng Văn D: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, đã gửi thông báo thụ lý vụ án cho các đương sự, các đương sự đã nhận được thông báo của Tòa án, nhưng không có ý kiến gì. Sau đó Tòa án đã tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật như: Thông báo cho các đương sự đến Tòa án để viết bản tự khai, cung cấp tài liệu chứng cứ, yêu cầu tại Tòa án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Những thủ tục thông báo này Tòa án đã gửi bảo đảm qua đường bưu điện hoặc được niêm yết theo đúng quy định của pháp luật. Nhưng bị đơn không thực hiện và cũng không có ý kiến gì.

Tại Biên bản xác nhận tình trạng hôn nhân có xác nhận của UBND xã T H đã xác định: Sau khi đăng ký kết hôn, hai vợ chồng sống hạnh phúc. Đến năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Dương nghiện rượu, sau đó chửi bới và đánh đập vợ, mặc dù hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không có kết quả. Hai vợ chồng có 01 con chung và đang đi học.

Về tài sản của vợ chồng thì không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 147/BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Nguyên đơn phải nộp 300.000đ án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật:

Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn chị Lò Thị L, Tòa án xác định đây là vụ án: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[2].Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lích xin ly hôn với anh Dương, anh Dương có hộ khẩu thường trú tại xã T H, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ B theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39/BLTTDS.

[3]. Về điều luật áp dụng: Chị Lích và anh Dương kết hôn năm 2006, đến năm 2023 thì chị Lích khởi kiện xin ly hôn, nên Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lích và anh Dương lấy nhau có đăng ký kết hôn. Do vậy hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm sống, do anh Dương thường xuyên rượu, bia không lo làm ăn, sau đó chửi bới và đánh đập vợ nhiều lần. Hai vợ chồng đã được hai bên gia đình và ban ngành trong bản khuyên bảo, nhắc nhở nhiều lần nhưng không có kết quả. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Lích và anh Dương đang trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị Lích xác định tình cảm của mình đối với anh Dương không còn. Tại phiên tòa chị Lích vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn với anh Dương. Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của đương sự và để giải phóng cho chị Lích khỏi tình trạng hiện tại khi mà hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lích và áp dụng các Điều 51,

56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 xử cho ly hôn giữa chị Lò Thị L và anh Tòng Văn D.

[5]. Về con chung: Hai vợ chồng có 01 con chung là cháu Tòng Văn Cường, sinh ngày 15/3/2008.

Chị Lích có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu anh Dương phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại bản tự khai của cháu Cường là có nguyện vọng được ở cùng với mẹ.

Tại phiên tòa hôm nay chị Lích có nguyện vọng là muốn được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị Lích làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, trong quá trình giải quyết vụ án thì anh Dương không có ý kiến gì, còn cháu Cường có bản tự khai và có nguyện vọng là muốn được ở cùng với mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy chị Lích và anh Dương đều có khả năng nuôi con chung vì hai người đều có nghề nghiệp là làm ruộng, hơn thế nữa việc nuôi con là trách nhiệm, nghĩa vụ của bố mẹ. Do từ khi chị Lích làm đơn xin ly hôn thì anh Dương không có ý kiến gì, không đến Tòa án theo thông báo và triệu tập của Tòa án. Do vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu và nguyện vọng của chị Lích và giao con chung cho chị Lích trực tiếp chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lích không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6].Về tài sản:

[6.1]. Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Không có.

[6.2]. Tài sản chung, diện tích ruộng, nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7]. Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Lích phải chịu 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm, chị Lích đã nộp 300.000đ theo biên lai số: 0005257 ngày 06/7/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ B.

Đối với bị đơn Tòng Văn D: Không có ý kiến gì và cũng không tham gia các phiên họp, hòa giải và phiên tòa do Tòa án tiến hành theo quy định của pháp luật, gây cản trở hoạt động tố tụng của Tòa án và của đương sự khác. Điều này chứng tỏ bị đơn tự tước đi quyền, nghĩa vụ của mình trong thời gian giải quyết vụ án. Hơn thế nữa việc bị đơn không đến Tòa án theo giấy thông báo, triệu tập của Tòa án còn thể hiện bị đơn không tôn trọng Tòa án, không chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã gửi quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho các đương sự, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. HĐXX căn cứ Khoản 3 Điều 228/BLTTDS, Điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39; Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228; Khoản 1 Điều 235, Điều 264 và Điều 267/BLTTDS;

- Áp dụng: Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

1- Tuyên xử: Cho chị Lò Thị L được ly hôn với anh Tòng Văn D.

2 - Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Lích và giao con chung là cháu Tòng Văn Cường, sinh ngày 15/3/2008 cho chị Lích trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Chấp nhận yêu cầu của chị Lích về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3- Về Tài sản: Không xem xét, giải quyết.

4- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Lích phải chịu 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm, chị Lích đã nộp 300.000đ theo biên lai số: 0005257 ngày 06/7/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ B, chị Lích đã nộp đủ án phí DSST.

5- Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Khoản 1 Điều 273/BLTTDS;

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKS huyện Đ B;
- Chi cục THSDS H.ĐB;
- Các đương sự;
- UBND xã T H;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lường Văn Lương

HỘI THẨM NHÂN DÂN	CHỦ TỌA	HỘI THẨM NHÂN DÂN
Vũ Văn Tám	Lường Văn Lương	Bạc Thị Kiên

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKS huyện Đ B;
- Chi cục THSDS H.ĐB;
- Các đương sự;
- UBND xã T H;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lường Văn Lương